

HỌA SĨ VỊ Ý VỚI GIẤC MỘNG KHÔNG THÀNH ?



VIỆT DƯƠNG

TRÊN ĐẢO GALANG

Tàu Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc đón những người tị nạn cộng sản ở đảo Subi về Galang và cập bến đảo Galang khoảng 9, 10 giờ đêm. Khi điểm danh xong, chúng tôi được xe chở về barracks cách bến chừng 3 cây số.

Sáng hôm sau, tôi đang nằm nghĩ đến sự nhẹ nhàng thoát nạn với niềm vui cập bến Galang thì có một ông từ ngoài đi vào nhìn quanh, rồi đứng lại trước sạp tôi nằm. Tôi sửng sốt ngồi bật dậy:

– Vị Ý, gặp ông ở góc biển này ư?

Với nụ cười tươi và cái pipe quen thuộc, Vị Ý đưa tay kéo tôi xuống sạp:

– Chuyến tàu nào của Cao Ủy chở người tị nạn tới Galang, tôi đều đến nhìn mặt một lượt xem có ai quen biết. Cả chục chuyến chẳng gặp ai. Đến hôm nay thì trời không phụ lòng người.

Vị Ý quàng vai tôi:

– Ra quán.

Mặc vội chiếc áo, tôi theo người bạn già tới một quán cà phê cách barracks khoảng gần cây số. Quán dựng trên nền đất cao ở góc ngã ba đường. Phía sau quán là dãy đồi thoải thoải. Vị Ý chọn cái bàn ở góc quán nhìn ra đường đi xuống bến tàu.

Cô tiếp viên tươi cười bước đến. Vị Ý nhìn cô:

– Cô cho hai phin sữa và một bao DunHill.

Nghe Hà Thanh hát “Mấy dăm Sơn Khê” với những khách cà phê mặt tươi vui, người nào cũng điệu thuốc trên tay, trên môi, tôi thấy lại khung cảnh quán cà phê ở Sài Gòn trước 1975.

Khi cô tiếp viên đem cà phê và bao DunHill để ra bàn, tôi hỏi Vị Ý

– Sao ông biết tôi hút DunHill?

– Năm 66, khi Hoàng đang học ở Thủ Đức, có tới quán cà phê Lú một lần và tôi thấy ông hút DunHill.

– Một việc quá nhỏ đã 20 năm. Trí nhớ ông tốt đến thế, chớ tôi thì chịu.

Vị Ý cười:

– Có cái nhớ, cái không.

Nhìn cái pipe trên miệng Vị Ý, tôi hỏi:

– Ông hút Half and Half, vậy sau 75 thì hút thuốc gì?

– Tôi tích trữ được một số khá, hút được trên một năm. Sau đó thì thuốc Lào, chớ mấy thứ Vàm Cỏ, Đà Lạt... của xí nghiệp quốc doanh làm khét quá, hút không được. Tôi chuyển qua thuốc Lào Vĩnh Bảo, nhưng giữ được cái pipe này. Nó đi theo mình chạy cộng sản hai lần, nằm lẩn lóc 8, 9 năm, tới Galang mới được trở về môi.

– Cái pipe và cá nhân chúng ta đã trải qua được một kiếp nạn. Ông tới đây bao lâu rồi?

– Hơn một năm và JVA đã phỏng vấn 3 lần, nhưng đều trượt, vì do tên tôi thay đổi và nhất là không giữ được một giấy tờ gì liên quan đến thời gian ba năm tôi làm ở phòng thông tin Mỹ. Duy nhất chỉ nhớ được tên ông trưởng phòng.

– Cứ tiếp tục khiếu nại, rồi họ sẽ tìm ra ông trưởng phòng đó. Nhưng ông đi mấy lần mới tới được Galang?

– Bốn lần, cũng khá lận đận, có điều không bị bắt lần nào. Lần này tôi đi với các ông Việt Võ Đạo. Chuyến tàu do chính ông trưởng môn tổ chức và tôi phải đợi trên một năm.

– Các ông ấy còn ai ở đây không?

Vị Ý lắc đầu:

– Không còn ai trừ tôi. Các ông ấy người đi Mỹ, người đi Úc, người Canada. Họ phân tán đi các châu để phát triển Việt Võ Đạo. Số tôi ít gặp may mắn.

Tôi lắc đầu:

– Nói vậy là ông không thấy được sự may mắn của đời mình. Họa sĩ Vị Ý có nhiều may mắn, xin kể:

– May mắn thứ nhất là đi bốn lần không bị bắt lần nào và tới được hòn đảo nhân đạo này.

– May mắn thứ nhì là trong chiến tranh thoát được quân đội để có thể tung tăng ở thế giới hội họa.

– May mắn thứ ba là sau 30 tháng 4, văn nghệ sĩ miền Nam không mấy người thoát được vòng tay nhân ái của đảng Cộng Sản, thế mà Vị Ý lại được ở ngoài

vòng tay đó, vẫn thành thói lãng tử hút Half and Half trên một năm, rồi chờ Việt Võ Đạo cho quá giang vượt biển Đông thì gọi là gì – vận đỏ hay đen?

Vị Ý cười, gật đầu:

– Nghe anh nói tôi mới chột tỉnh và cần nói thêm là dù phải vật lộn với đời sống khốn nạn sau 30 tháng Tư, nhưng tôi không phải chịu cảnh đói khát tủi nhục như đời tù của anh, của những ông văn nghệ sĩ mà tôi biết.

– Đói khát, tủi nhục và chết chóc. Tôi có cái may là được tù ở miền Nam chớ phải ra Bắc thì chắc đã chết, vì sức khỏe kém, đau yếu liên miên. Chuyện đó đã qua, bây giờ chúng ta lại được gặp nhau ở hòn đảo này... Năm 1966 gặp ông lần cuối cùng ở cà phê Lú, sau đó mất khóa tôi chọn Tiểu Khu Thừa Thiên, ít có dịp vào Sài Gòn, nhưng qua báo chí, tôi vẫn biết được sinh hoạt hội họa của ông và đọc được những lời ca ngợi của nhiều người về việc ông tự tạo ra một trường phái siêu thực, sâu sắc và mạnh với những tác phẩm đi giữa mộng và thực. Nghiệp hội họa của ông đã để lại cho miền Nam, hay Việt Nam một tài sản văn hóa lớn. Tôi không biết ông đã vẽ bao nhiêu bức tranh, nhưng tôi có nhiều kỷ niệm với ba tác phẩm Ải Chi Lăng, Lữ Khách Bên Trời và Nhạc Dội. Ải Chi Lăng và Lữ Khách Bên Trời đang luân lưu ở đâu đó, còn Nhạc Dội vẫn là bức họa ngự trị Cà phê Tùng ở Đà Lạt từ 1962 đến nay.

Tôi ngừng lại nhìn nét xúc động trên mặt Vị Ý một lúc, rồi tiếp:

– Cộng sản miền Bắc vào chiếm miền Nam và đã tàn phá văn hóa miền Nam, hay văn hóa Việt Nam, nhưng tàn phá không nổi. Những sách báo họ đốt thì lại trở thành những sách giá trị cho người miền Bắc săn lùng ở những chợ sách bên đường ở Sài Gòn, và nay thì lác đác đã in lại một số. Còn nhạc họ cấm, nhưng nay nhạc miền Nam là hồn Việt, là nguồn âm thanh tinh thần của cả Nam Trung Bắc. Từ đó tôi nghĩ họa cũng vậy. Nhạc, họa miền Bắc phục vụ cho chiến đấu sát máu với tinh thần đấu tranh giai cấp. Nay đã hết thiêng và bị lãng quên. Còn họa miền Nam cũng như nhạc là nguồn chuyên chở tình người, sẽ sống mãi. Sau này ông không còn, nhưng tranh Vị Ý sẽ là nguồn thưởng ngoạn của đời sống dân Việt. Gặp ông ở đây tôi mừng với hy vọng là nghiệp vẽ của Vị Ý sẽ góp phần làm phong phú cho sinh hoạt văn hóa của người Việt lưu vong.

Khi tôi ngừng, Vị Ý trầm ngâm với cái pipe trên môi một lúc, rồi nói:

– Nghiệp vẽ, thật đúng. Nguồn vẽ đã ở trong tôi từ năm mười mấy tuổi. Tôi không thầy, không trường. Tôi tự học và tự tạo. Vẽ trở thành nguồn sống của tôi, vẽ với sống như máu với da thịt. Ước vọng ra đi của tôi là để vẽ. Tới đây cả năm, được đọc nhiều tạp chí của người Việt ở Mỹ, Úc, Canada và Pháp, tôi biết có nhiều người đã viết về thảm kịch vượt biên của người Việt chạy trốn cộng sản, nhưng chưa thấy một họa sĩ nào vẽ về thảm kịch đó. Vì thế tôi có ước nguyện khi sang đến Mỹ hay một châu nào đó nếu không được vào Mỹ, tôi sẽ vẽ một bức tranh lớn với nội dung là thảm kịch Đi Tìm tự Do của dân Việt.

Tôi đập vào vai Vị Ý:

– Phải như thế ông Vị Ý. Thảm kịch vượt biển, vượt rừng của người Việt chạy trốn cộng sản đã làm sáng mắt nhiều trí thức Tây phương thiên tả ủng hộ đảng Cộng Sản Việt Nam trong chiến tranh tự vệ của miền Nam, đã làm chấn động lương tâm nhân loại nên chúng ta mới có những hòn đảo đón nhận người Việt tị nạn như tôi với ông hôm nay. Năm 1962, tôi đã có dịp theo ông đi vẽ ở Đà Lạt, đã nhìn thấy bàn tay ông như múa trên vải khi vẽ ngọn Lâm Viên (Langbiang)

giữa những làn mây tím. Rồi tới cuối những năm 80, chắc tôi lại có dịp nhìn ông vẽ những nỗi đau của dân Việt trong lòng nước Mỹ.

28 NĂM TRƯỚC

Qua nhà văn Thế Phong, tác giả Gái Nghĩa Lộ, tôi quen biết Vị Ý từ năm 1957, 58, khi còn học đệ ngũ, đệ tứ trường Chu Văn An, Sài Gòn. Thời gian này, từ việc tìm đọc bộ *Lược Sử Văn Nghệ Việt Nam* của Thế Phong, do Đại Nam Văn Hiến xuất bản, in ronéo, cũng của Thế Phong, tôi gặp Thế Phong và coi Thế Phong là đàn anh, là thầy. Thế Phong nói với tôi nhiều về họa sĩ Vị Ý, quê quán Lạng Sơn, với những bức tranh siêu thực đường nét rất lạ. Rồi vào một buổi sáng Chủ Nhật, Thế Phong đưa tôi đi gặp Vị Ý ở gần ngã Bảy. Đi sâu vào một ngõ hẻm ở đường Lý Thái Tổ, lên một gác xép, một người gầy còm, tóc dài ra đón Thế Phong. Thế Phong chỉ tôi giới thiệu: Hoàng, một bạn trẻ yêu văn chương, chữ nghĩa. Khi bắt tay Vị Ý, tôi chợt nhớ hai câu thơ trong một tập dã sử viết về nhà Mạc chiếm giữ Lạng Sơn, Cao Bằng, nên nhìn Vị Ý đọc:

– Ai lên ngọn nước Kỳ Cùng,
Mà xem họ Mạc vấy vùng biển khơi.

Vị Ý cười sáng khoái:

– Lạng Sơn núi non trùng điệp, kỳ bí với sông Kỳ Cùng, với động Tam Thanh với nàng Tô Thị. Tiếc cho người bạn trẻ chưa được thấy miền đất nước tuyệt vời ấy. Thời thế này, chẳng biết đời mình có còn thấy được Ải Nam Quan, sông Kỳ Cùng và Ải Chi Lăng.

Buổi sáng hôm ấy, sau khi nói chuyện về họa và cho tôi và Thế Phong xem một số bức tranh mới vẽ, Vị Ý mời hai chúng tôi tới phở Tàu Bay ở ngay đầu ngõ vào gác xép của Vị Ý.

Từ ngày đó, tôi thường đến Vị Ý, vì thích sự hào sảng của một họa sĩ nghèo, thích kiểu nói chuyện với ngôn ngữ lạ và những ý lạ, nhất là được nghe ông nói về những nhà cách mạng Việt Nam. Ông thông lâu về cuộc đời của nhiều lãnh tụ đảng phái, đặc biệt là Lý Đông A. Đọc sách tôi chỉ biết Lý Đông A là người thành lập đảng Đại Việt Duy Dân, nhưng nghe Vị Ý nói về Lý Đông A, mới thấy sự thông minh xuất chúng và sáng tạo của họ Lý. Có lần Vị Ý kể là trong hội trường gồm mấy chục đảng viên cao cấp, Lý Đông A đi quanh nói, không giấy tờ và những học viên ghi chép. Những buổi giảng đó là nội dung của bộ Đại Việt Duy Dân Quốc Sách Thảo Án Toàn Pho mà Lý Đông A đã viết khi mới ngoài 20 tuổi. Lý Đông A không những thông tuệ mà còn có sự thu hút đặc biệt của một người lãnh đạo nên thu được nhiều thành phần trí thức gia nhập Duy Dân, chẳng hạn như luật sư Nghiêm Xuân Hồng, luật sư Lê Quang Luật, luật sư Lê Ngọc Chấn và nhà văn giáo sư Vũ Khắc Khoan... Trong đó có Thái Lăng Nghiêm (Nguyễn Văn Tâm) là người được ở gần Lý Đông A, nên đã thu nhận được nhiều tư tưởng và văn phong của họ Lý. Sau này đọc tuần báo *Những Vấn Đề Của Chúng Ta* do Thái Lăng Nghiêm chủ trương và đọc sách *Đoàn Kết Luận* của Thái Lăng Nghiêm, tôi mới thấy rõ sự nhận định của Vị Ý.

Những năm học ở trung học đệ nhất cấp tôi đi bỏ mỗi báo Tự Do và Ngôn Luận (một kiểu bán báo ban đêm) khi báo mới in ra, và dạy kèm trẻ ở mấy tư gia kiếm được tiền, nên mỗi lần đến Vị Ý, tôi đều mời ông tới phở Tàu Bay rồi uống cà

phê Lão Tử ở ngõ bên cạnh phở Tàu Bay hay cà phê Gió Bắc ở đường Phan Đình Phùng.

Năm 1961 hay 62, lên Đà Lạt nghỉ hè ở nhà ông cậu, tôi đã gặp Vị Ý cũng lên Đà Lạt để vẽ tranh. Vì thế tôi có dịp đi theo nhìn ông vẽ đất trời Đà Lạt. Tôi vẫn nhớ dáng dấp gầy của Vị Ý, khoan thai trong cái áo vest đen, miệng ngậm pipe, định thần một lúc lâu, rồi múa bàn tay trên vải. Được nhìn ông vẽ nhiều tranh, nhưng tôi nhớ nhất mấy bức là Gió Cuồn (vẽ cô gái mờ ảo, chỉ thấy tà áo xanh vờn lên bên bờ hồ Xuân Hương), Đường Về Buôn (vẽ một gia đình người Thượng đi dọc theo con đường mòn giữa đồi núi, chồng trước vợ sau rồi đến ba đứa con), và Trong Mây (vẽ đỉnh Lâm Viên ở giữa những làn mây tím). Tập hợp những bức tranh vẽ ở Đà Lạt, Vị Ý đã tổ chức triển lãm tranh ở trên lầu chợ Đà Lạt. Trong cuộc triển lãm này, ông chủ cà phê Tùng đã mua bức tranh Nhạc Dội với giá cao, tranh vẽ một nhạc sĩ cúi đầu chơi đàn guitar. Những đường nét họa chung quanh nhạc sĩ là biểu hiện của âm thanh vang dội. Sau khi bức tranh được treo lên tường của cà phê Tùng, Vị Ý đã trở thành khách quý của ông chủ Tùng và thường được chiêu đãi cà phê, rượu khi Vị Ý tới Tùng.

Cũng trong lần triển lãm tranh này, tôi được Vị Ý giới thiệu ông Vũ Khắc Quỳnh, là trung úy chỉ huy đại đội bảo vệ dinh tổng thống Ngô Đình Diệm (dinh 1 Bảo Đại) dọc theo đường Lý Thái Tổ, gần Trại Hầm. Ông Quỳnh là đảng viên Duy Dân, theo Lý Đông A lên Hòa Bình và đã lấy con gái của một quan lang Mường. Ông bà Quỳnh có một gái, một trai. Cô con gái là Bích Huyền, đã một thời là hoa khôi của trường nữ trung học Bùi Thị Xuân, Đà Lạt. Qua ông Vũ Khắc Quỳnh, tôi biết thêm về sự thông tuệ của Lý Đông A là đọc rất nhanh và chỉ một lần là nhớ hết với hành tung kỳ bí, thoát ở, thoát đi, được sự ủng hộ của dân và quan lang Mường. Năm 1964, Vị Ý lên Đà Lạt ở nhà tôi một tuần (gia đình tôi đã chuyển lên Đà Lạt từ đầu năm 1963), đem lên cho tôi hai tập sách in ronéo của Lý Đông A là Chu Tri Lục và Đạo Trường Ngâm, tập Kinh Hịch của Vị Ý, và tặng tôi bức tranh Lữ Khách Bên Trời. Tranh vẽ một người đứng trên bến sông giữa núi non trùng điệp. Vị Ý cho biết là vẽ bức tranh này là do có lần tôi và Vị Ý đã nói với nhau về những bến đò, một cảnh sắc đặc biệt của Việt Nam. Thời còn ở ngoài Bắc, Vị Ý đã đi qua nhiều bến đò, nhưng nhớ nhất là bến sông Kỳ Cùng ở Lạng Sơn và bến đò Rừng ở Quảng Yên. Hai bến đò có sự hùng vĩ và thơ mộng giống nhau. Bến đò Rừng của sông Bạch Đằng ở bên dãy núi Tràng Kênh và dãy núi Đông Triều ở xa, còn bến sông Kỳ Cùng thì ở giữa núi non trùng điệp. Bức tranh Lữ Khách Bên Trời là vẽ bến sông Kỳ Cùng.

Trong tuần đó, hai chúng tôi sau khi ở cà phê Tùng ra, thường đi quanh hồ Xuân Hương và Vị Ý nói với tôi về tư tưởng Lý Đông A. Ông thao thao giảng giải, đôi khi chêm vào những câu thơ của Lý Đông A.

Tư tưởng Lý Đông A khó hiểu, tôi thường hỏi lại, nhưng thật sự tôi chỉ hiểu lơ mơ về vấn đề con người trong triết lý Duy Dân là triết học Duy Dân lấy con người là căn bản của biện chứng triết học, theo đó ba thành phần biện chứng tạo nên quan điểm thống nhất, chân xác về con người là vũ trụ duy nhiên (vô nguyên), nhân loại duy nhân (nhất nguyên) và dân tộc duy dân (đa nguyên tương đối)... Sau này vào khoảng 1969, 70, tôi mua được một số sách của Lý Đông A do Gió Đáy xuất bản gồm Chu Tri Lục, Duy Nhân Cương Thường, Thiết

Giáo, Huyết Hoa, Chia Khóa Thắng Nghĩ, và cố đọc để hiểu, tôi mới thấy Vị Ý đã thuộc nằm lòng tư tưởng Duy Dân. Vị Ý đã lấy tư tưởng Lý Đông A để viết Kinh Hịch với nội dung kêu gọi con dân Việt trở về cội nguồn dân tộc. Văn phong và chữ nghĩa của Kinh Hịch là văn phong và chữ nghĩa của Lý Đông A. Tôi treo bức tranh Lữ Khách Bên Trời, bức tranh duy nhất trong phòng khách từ năm 1964 đến 1975. Bức tranh đã bị mất khi gia đình chạy xuống Sài Gòn. Nhưng tôi vẫn hy vọng người lấy bức tranh vẫn giữ tranh. Ngày nay, Bức tranh Nhạc Dội vẫn ở cà phê Tùng, còn bức tranh Lữ Khách Bên Trời chắc vẫn ở trong phòng khách của gia đình nào đó trên đường Huyền Trân.

SINH HOẠT Ở GALANG

Sau một tuần làm việc với toán JVA Mỹ, cơ quan xét hồ sơ và phỏng vấn người tỵ nạn đi Mỹ, toán JVA về Singapore ngày hôm qua, hôm nay tôi ngủ dậy muộn. Vừa rửa mặt xong đã thấy Vị Ý đi vào với câu nói:

– Ra quán làm cái cà phê còm.

Mấy tuần qua từ ngày gặp nhau, chúng tôi thường tới hai quán – Quán Tình Xù ở gần trung tâm JVA và quán Tổng Biệt là quán Vị Ý đưa tôi tới lần đầu khi mới gặp lại. Hôm nay chúng tôi lại tới Tổng Biệt. Quán có tên như thế, nhưng không có bảng hiệu. Gọi là Tổng Biệt vì quán nằm ở góc đường đi xuống bến tàu Galang. Vị Ý cho biết là những ngày có chuyến chở người tỵ nạn, đã được các phái đoàn phỏng vấn nhận, sang Singapore để đi định cư thì con đường này tấp nập. Người ta đi xuống bến để tiễn chân nhau.

Chúng tôi ngồi vào chiếc bàn vẫn thường ngồi. Sau khi nhồi thuốc vào pipe, hút mấy hơi và uống mấy hớp cà phê, Vị Ý hỏi:

– Hoàng lên làm ở JVA thấy thế nào?

– Rất vui, vì mới lên đảo mà có việc làm liền. Vừa giúp người tỵ nạn vừa giúp mình, nhất là có cơ hội học thêm Anh ngữ.

– Tôi thấy cả tuần anh làm việc quần quật từ sáng tới tối.

– Có nhiều việc phải làm. Toán JVA Mỹ ở Singapore sang chỉ làm công việc phỏng vấn. Còn toán JVA Việt Nam phải làm mọi việc. Nhận danh sách những người được vào phỏng vấn, phân chia danh sách từng ngày, đánh máy để niêm yết và gọi tên trên máy phóng thanh của trại, rồi phân công những người thông dịch. Toán JVA Việt Nam có trên 30 người, đều là những thanh niên, thanh nữ năng động, giỏi tiếng Anh và đã quen việc, nên tôi chỉ làm công việc phân nhiệm. Theo ông chủ tịch đại diện người tỵ nạn cộng sản thì trên đảo có nhiều người là giáo sư Anh ngữ, nhưng phòng JVA đòi hỏi là người làm toán trưởng JVA phải là những sĩ quan đã đi cải tạo. Vì thế sau mấy lần nói chuyện, ông hỏi tôi là có thể nhận làm trưởng toán JVA thay thế thiếu tá Long thuộc không quân mới đi Bataan. Tôi rất vui nhận lời, vì công việc này hợp với mình.

Vị Ý nói:

– Mỗi lần thấy phái đoàn Mỹ qua phỏng vấn và loa phóng thanh gọi liên tục những người được vào phỏng vấn, tôi lại bồn chồn sốt ruột nghĩ đến trường hợp của mình. Nhiều người bảo tôi là đi Úc hay Canada, nhưng tôi muốn đi Mỹ, vì Mỹ là thủ đô của người Việt tỵ nạn, là nơi có nhiều người Việt nhất. Tôi chọn Mỹ để thực hiện ước muốn của mình. Bức tranh Đi Tìm Tự Do sẽ “chứa đựng muôn vàn khía cạnh nói về sự khốn cùng đen tối ở quê hương mình, nói về sự thử

thách trên đại dương và ánh sáng tự do ở quê người”. Tôi sẽ vẽ một bộ tranh lịch sử Đi Tìm Tự Do để triển lãm ở những châu có nhiều người Việt tị nạn. Tôi đã thao thức về việc này trên mười năm ở quê nhà. Thoát được tới đây, tôi tin là ước vọng của mình sẽ thành tựu. Nếu tôi giữ được một bút tích, một tờ giấy chứng minh tôi là nhân viên Phòng Thông Tin Mỹ thì tôi đã tới Mỹ từ lâu, còn tình trạng này thì không biết sẽ tới đâu. Vì thế tuần rồi, mỗi lần nghe loa phóng thanh gọi tên người đi phỏng vấn, tôi lại như lên cơn sốt.

– Tôi hiểu tâm trạng của ông, nhưng đừng quá sốt ruột. Ông có đạo Duy Dân luôn an nhiên tự tại, cần vận dụng nó để thành thời chờ đợi. Suốt tuần qua tôi nghĩ đến việc của ông, nên tôi đề nghị một giải pháp là nhân việc lên làm trưởng toán JVA, tôi sẽ viết một cái thư gửi cho phòng JVA trình bày mấy vấn đề sau:

– Thứ nhất, tôi là bạn của ông, giao du với ông từ cuối thập niên 1950, biết ông là một họa sĩ nổi tiếng và đã phục vụ trong Phòng Thông Tin Hoa Kỳ.

– Thứ nhì, trình bày tình trạng không giấy tờ của sĩ quan và viên chức chính quyền Việt Nam Cộng Hòa là thực tế phổ biến dưới chế độ cộng sản, chẳng hạn bản thân tôi không có một giấy tờ gì hết, chỉ còn nhớ số quân và tên người chỉ huy ở đơn vị cuối cùng.

– Thứ ba, tôi lấy tư cách là sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng Hòa để bảo đảm những điều ông khai là đúng sự thật, và xin phòng JVA cứu xét hồ sơ và chấp nhận việc ông xin đi Mỹ định cư.

Sau một tuần làm việc với toán JVA, tôi thấy ông trưởng phòng rất dễ thương. Ông cho biết là ông có người anh là sĩ quan ở sư đoàn Đệ Nhất Không Kỳ đã chiến đấu ở Việt Nam và nay là đại tá. Anh ông thường nói về những cuộc hành quân chung với quân đội Việt Nam Cộng Hòa và luôn ca ngợi những ông sĩ quan đi hành quân với ông. Tình cảm ấy sẽ giúp mình được việc.

Ông về viết cho tôi một bản ghi những việc ông làm ở Phòng Thông Tin, thời gian từ năm nào đến năm nào. Tên người trưởng phòng, mô tả vóc dáng với những tính chất đặc biệt và những thói quen của ông ta.

Vị Ý cười vui gật đầu:

– Được đấy. Vậy là tôi có thêm một cái may nữa.

– Cái may là tôi làm trưởng toán JVA nên dễ nói chuyện với họ. Hy vọng sẽ có kết quả. Lần tới họ qua, tôi sẽ đưa ông tới giới thiệu với ông trưởng phòng và sẽ gửi thư đó cho họ.

Qua cửa sổ, thấy dân tị nạn lũ lượt đi xuống bãi biển, tôi đập vai Vị Ý:

– Ngày hôm qua tôi mới nhận được 100 của người bạn ở Mỹ. Hôm nay ông để tôi trả hai cái cà phê còm này. Còn bây giờ – tôi chỉ tay xuống đường ra bãi biển

– ông coi, mình cũng nên theo họ xuống bãi biển Galang để xem dân tị nạn đi picnic.

.....

Trại tị nạn Galang có một tờ nguyệt san tên là Tự Do, in ronéo. Tờ báo ra đời từ lâu và đã được truyền qua nhiều đời Ban Biên Tập. Năm 1986 ban biên tập là Phạm Ngọc Thước (chủ bút), Phạm Đại (thư ký tòa soạn), Vị Ý (phụ trách trình bày và trang trí). Tuy mới tới đảo, tôi cũng được mời vào ban biên tập. Trong một lần họp bàn về số báo tháng 8/86, tôi đã nhắc lại những lần Vị Ý nói với tôi về sự thuong ngoạn hội họa, nên tôi đề nghị với ban biên tập là nên tổ chức cho Vị Ý nói chuyện về hội họa. Sau khi thảo luận và được Vị Ý nhận lời, báo Tự Do

sẽ tổ chức buổi sinh hoạt văn hóa đặc biệt về hội họa. Và sau đó hai tuần, buổi sinh hoạt nói chuyện về hội họa của Vị Ý đã được tổ chức ở thư viện trại Galang.

Trước cử tọa khoảng trăm người, Vị Ý trình bày đề tài: **CƯỚI NGỰA XEM HOA HỘI HỌA** và trong một giờ đã dẫn thính giả đi qua mấy phần sau:

Phần đầu nói về 3 thời hội họa:

– Thứ nhất là **Tiền sử họa** với những bức tranh săn hươu nai và những sinh hoạt của người tiền sử còn sót lại trên những vách đá của hang động. Những bức tranh này biểu hiện được sự tài hoa của họa sĩ tự học để vẽ lại đời sống quanh mình.

– Thứ nhì là **Cổ đại họa**, là thời các dân tộc đã tự động phát triển và học hỏi bắt chước mà tạo thành một thế giới hội họa phong phú, từ tranh bằng gỗ, đá đến đến sành sứ rồi tranh trên da, trên vải, trên giấy. Từ Âu, Phi, Mỹ, Á đều đã để lại những kho tàng khổng lồ, phồn thịnh về lượng lẫn về phẩm. Cái tên cổ đại họa là do Vị Ý tạm đặt tên cho thời đại và cho rõ nét vẽ này để phân biệt với thời và lối vẽ gần với hiện thực, sát với ảnh, với tự nhiên của Tây phương gọi là cổ điển.

Thứ ba là **Tân họa**, mang nặng chất xa lìa tự nhiên và được liệt vào loại siêu thực nhiều ít trong một tương đối nào đó để thành những trường phái khác biệt và phong phú trong mỗi trường phái. Điểm đặc biệt là tân và cổ họa có tính chất chung là xa lìa tự nhiên hơn cái gọi là cổ điển.

Sau sự phân chia thời hội họa với những tính chất của mỗi thời, Vị Ý dẫn thính giả vào việc **thẩm định họa phẩm** với hai câu hỏi:

– Câu hỏi thứ nhất: Thế nào là một bức tranh đẹp?

Theo ông một bức tranh gọi là đẹp phải hội đủ mấy điều:

. Hòa hợp toàn diện từ đường nét đến màu sắc.

. Hàm chứa được chất tình và thơ trong tranh.

. Gây cảm xúc độc đáo.

– Câu hỏi thứ nhì: Thế nào là một danh họa?

Theo ông, danh họa phải đạt được mấy điểm:

. Tính chất thời đại lồng vào muôn thuở.

. Có bút pháp riêng.

. Đạt được sự rung cảm thiết tha với trí tưởng tượng của họa sĩ.

Phần thứ ba là nhận định về bút pháp.

Vị Ý nói bút pháp là chuyện phức tạp như rừng biển, nhưng là cuộc cưới ngựa xem hoa nên ông nói qua một số trường hợp cụ thể và diễn hình chẳng hạn như:

– Bút pháp của Buffet thường biểu hiện bằng những đường nét sọc đậm và khô khan như những đường kẻ thẳng, ấy thế mà rất tình.

– Bút pháp của Renoir là chất nhung mềm tơ nõn phủ trên khắp da thịt những người đàn bà và sự vật.

– Bút pháp của Monet và phái ấn tượng là những chấm màu như trộn với ánh sáng huyền ảo bao trùm sự vật.

– Bút pháp của Van Gogh là nổi niêm bốc lửa, chói chang và vang vọng ánh sáng và sức sống...

– Bút pháp của Picasso hướng về sự cựa động của sự vật nên không tôn trọng miêng cái song, cái ly phải tròn đều mà ghi ngay mấy chiều quay của sự vật...

của khuôn mặt. Picasso là người vẽ bàn tay tài tình nhất, như gửi cả tâm tình vào những bàn tay. Tranh Picasso làm rung cảm sâu xa tâm linh ta là ông luôn ghi được nỗi buồn muôn thuở của kiếp người, nỗi cô đơn và đau khổ siêu hình ấy luôn được coi là hồn của tranh, của nhân vật.

Theo Vị Ý, chuyện bút pháp của họa sĩ không hẳn là kỹ thuật nữa mà đã chuyển mình thành hồn họa của mỗi họa sĩ.

Qua cuộc nói chuyện về hội họa của Vị Ý, tôi có hai nhận định:

– Thứ nhất, Vị Ý là họa sĩ bẩm sinh, không thầy, không trường, nhưng đã tự đào luyện và nghiên cứu sâu rộng về hội họa thế giới. Vì thế khi nói chuyện họa, ông không cần giấy tờ mà ngôn ngữ tuôn chảy như một dòng sông với nhiều dẫn chứng bằng tên của những bức họa thời tiền sử, thời cổ đại và thời tân họa.

– Thứ nhì, Vị Ý đã thâm cứu những họa sĩ lừng danh thế giới với những nhận định rõ rệt về bút pháp của mỗi đại danh họa mà tôi đã dẫn tên ở trên.

ƯỚC NGUYỄN KHÔNG THÀNH

Cuối tháng 8/86, sau khi vào phỏng vấn và được nhận, tôi được chuyển sang trại Bataan ở Phi Luật Tân (trại của những người được Mỹ nhận để học Anh ngữ và văn hóa Mỹ trong 6 tháng, trước khi vào Mỹ định cư). Khoảng hơn một tháng sau tôi đang định viết thư cho Vị Ý để ông biết địa chỉ ở Bataan thì gặp ông Nguyễn Đình Khôi, thông dịch viên của toán JVA mới qua Bataan cho biết là Vị Ý đã được chuyển vào Galang 2, vì đã ở Galang 1 trên một năm. Thế là tôi mất liên lạc với Vị Ý.

Sau khi vào Mỹ, định cư ở Chicago hơn một năm, tháng 3 năm 1988, nhật báo Thời Luận ở Nam California cho biết: “Sửa soạn giá vẽ bị té, họa sĩ Vị Ý từ trần – Giới văn học nghệ thuật người Việt tị nạn tại Hoa Kỳ vừa mất thêm một họa sĩ có tài, đó là họa sĩ Vị Ý. Theo tin từ gia đình người quá cố thì ông đã từ trần đêm thứ Năm 17 tháng 3, 1988 và nhục thể được hỏa thiêu ngày thứ Tư, 23 tháng 3, tại Nam Cali”.

Trong bài Họa sĩ Vị Ý, Áo Giác và Quên Lãng, nhà thơ Viên Linh (Người Việt online – Wednesday, March 13, 2013) đã viết: “Theo tin gia đình và những người quen biết thì họa sĩ chỉ mới qua Mỹ vào tháng 6, 1987, tức là chưa được một năm. Sáng hôm ông ra đi vĩnh viễn là lúc ông mới hoàn thành một bức tượng. Ông sửa soạn một tác phẩm khác, một bức tranh, nên trong lúc sửa soạn giá vẽ, ông đã vấp ngã khá mạnh khiến gân máu bị đứt. Ngay buổi tối, ông qua đời. Nghe nói thêm, lúc ngã ông đang đứng trên một cái giá cao, ngã từ đó xuống mặt sàn cứng”.

Họa sĩ Vị Ý tên thật là Nguyễn Tiến Tùng, em cùng cha khác mẹ với ông Nguyễn Tiến Đại, một nhân vật hoạt động trong giới chính trị. Ông sinh năm Quý Hợi, 1924 tại Lạng Sơn. Bản thân Vị Ý cũng hoạt động chính trị. Ít lâu sau cái chết của ông, một người cháu trai của ông, có lẽ là con của cụ Tiến Đại, là Nguyễn Tiến Thịnh, đã mang tới cho anh em tòa báo Khởi Hành một số tài liệu về ông chú quá cố. Trong số tài liệu này có vài tấm hình chụp tranh vẽ, chụp tượng điêu khắc và chụp chân dung người nghệ sĩ tạo hình. Kèm với những thứ ấy là hai cuốn sách luận thuyết, và cương lĩnh – luận thuyết chống cộng sản và cương lĩnh có thể hiểu là soạn theo tư tưởng Lý Đông A, lãnh tụ đảng Duy Dân”.

Như thế Vị Ý đã được vào Mỹ chỉ sau tôi 2 tháng. Tôi vào Mỹ tháng 4/1987, còn Vị Ý tháng 6/87. Có thể đó là kết quả của bức thư tôi gửi ông trưởng phòng JVA. Nhưng có điều đặc biệt là Vị Ý đã được đi thẳng từ Galang qua Mỹ chứ không phải qua giai đoạn học Anh ngữ và văn hóa Mỹ như tất cả những người được Mỹ nhận, vì nếu phải qua Bataan thì Vị Ý đã gặp tôi.

Trong bài: Vị Ý – trên Học Xá, Tuesday, Feb 9, 2021, nhà phê bình Huỳnh Hữu Ủy đã viết: “Vị Ý là một họa sĩ độc lập, tự mình thích vẽ mà làm thành hội họa chứ không qua một trường lớp hội họa nào, chuyên vẽ sơn dầu với khuynh hướng siêu thực. Thế giới siêu thực của anh rất lạ, tự mảy mò và nghiệm lấy một cách riêng, không có chút không khí của ai khác, không có dấu vết của một danh họa nào. Hội họa của anh giống như chính kiểu sống của anh vậy, rất phiêu lãng, giang hồ, nhiều chất bụi bặm của trần gian mà vẫn bay bổng vì một giấc mơ lý tưởng nào đó rất thuần khiết. Những người bạn của giới văn nghệ đã tìm thấy những nét ấy trên tranh Thiếu Nữ và Con Mèo, Xứ Không Màu, Vực Áo của thời 1962, mà những nét ấy càng bộc lộ một cách đáng yêu của thời kỳ anh lang thang làm quán Cà Phê Lú ở Thị Nghè hay những ngày tá túc ở Hội Quán Cây Tre ở đường Đinh Tiên Hoàng vào những năm cuối thập niên 60 và đầu 70 ở Sài Gòn.”

Báo Khởi Hành, số đặc biệt về 20 năm hội họa miền Nam (54-75) xuất bản vào tháng 7 năm 2003 đã cho chúng ta biết về cái chết của Vị Ý trong một tai nạn bất thường, hơi kỳ dị nhưng cũng có thể nói là đẹp. Sau chuyến viếng thăm New York, thăm tượng Nữ Thần Tự Do, Vị Ý có cảm hứng muốn thực hiện một họa phẩm lớn 8m X 12m. Vì nhu cầu cần dựng khung và căngtoile để vẽ, để thực hiện bức tranh gọi tên là Tự Do như anh nói với người cháu Nguyễn Tiến Thịnh. Bức tranh sẽ lấy pho tượng Nữ Thần Tự Do làm bối cảnh cho một con thuyền vượt biển của người tị nạn. Anh bị té khi dựng khung vẽ, bị chấn thương và tử trần (Khởi Hành đã dẫn trang 23).

Người viết xin ghi thêm ít lời của nhà văn Nguyễn Thụy Long viết về Vị Ý trong bài: Họa Sĩ Vị Ý và quán cà phê Lú.

“Quán cà phê Lú của họa sĩ Vị Ý ở Thị Nghè, nói chính xác là con đường vào chợ Thị Nghè. Nghe cái tên quán đã thấy chủ nhân quán cà phê có cái vẻ nghịch ngợm rất văn nghệ rồi... Thuở đó ở Sài Gòn đầy rẫy cà phê ngon, cà phê xịn và mỗi quán có cách pha chế riêng gọi là bí quyết, thường thì pha bằng phin, những cái phin quý giá của Tây làm bằng đồng thau hoặc bằng kền bóng loáng... Quán cà phê của Vị Ý trong dạng ấy, quán cà phê Lú ngon và có nhạc, có thơ, có họa, có những bức tranh tài hoa của Vị Ý treo đầy trên tường như một phòng triển lãm... Quán cà phê Lú không đông khách lắm, nhưng là khách chọn lọc, những anh em văn nghệ sĩ, những nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ, nghệ sĩ ngồi đó thường xuyên để nói chuyện văn nghệ, để xem tranh của Vị Ý. Tôi biết chừng đó thôi về quán cà phê Lú và chỉ thấy anh ngồi ngát ngưỡng ở đó với cái pipe trên miệng. Sau năm 1968 hình như quán cà phê Lú không còn nữa. Nhưng tôi vẫn nghe tên anh trong sinh hoạt hội họa. Anh vẽ những bức tranh sơn dầu thật to, thật vĩ đại

trong phủ tổng thống, chủ đề hình như là nguồn gốc dân tộc Việt Nam. Báo chí thời đó ca tụng nhiều lắm.” (hungviet.org/23//1/2012)

Tôi viết bài này để nhớ người bạn vong niên một đời. Gặp nhau không bao nhiêu, nhưng mỗi lần gặp, lại được Vị Ý cho biết sắp tới sẽ làm gì. Trong tâm Vị Ý có cái đạo Duy Dân nên lúc nào cũng ung dung tự tại như đạo sĩ. Gặp lại ở Galang, tôi kể Vị Ý nghe là năm 1985, sau khi ra tù cải tạo, tôi lên Đà Lạt, đã tới cà phê Tùng và ngắm ngùi nhìn bức tranh Nhạc Dội vẫn treo trên tường của một Tùng tiêu điều. Vị Ý xúc động và đã vẽ lại bức tranh đó cho truyện ngắn Biết Đến Bao Giờ, tôi viết lúc mới đến Galang và đăng trong nguyệt san Tự Do. Bây giờ nhìn bức tranh vẽ lại đó so với bức tranh ở cà phê Tùng được chụp lại trong bài “Cà phê Tùng Đà Lạt xưa – nơi gặp gỡ một thời của giới tinh hoa miền Nam của Nguyễn Vĩnh Nguyên” trên internet, tôi ngạc nhiên về trí nhớ của Vị Ý, vì bức tranh vẽ phác cho truyện Biết Đến Bao Giờ sau 25 năm vẫn gồm những nét chính của bức họa treo trên cà phê Tùng.

Việt Dương

-Hình họa sĩ Vị Ý. Ảnh: Nguyễn Tiến Thịnh, báo Người Việt

-Tranh Người chơi đàn guitar của Vị Ý (hay “Nhạc dội” ở quán cà phê Tùng 1962)

Nguồn: từ Bài “Cafe Tùng Đà Lạt xưa – nơi gặp gỡ một thời của giới tinh hoa miền nam”, Nguyễn Vĩnh Nguyên

Nguồn : DIỄN ĐÀN THẾ KỶ/7-2- 2013